TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ- ST
Ngày 04/6/2026
"V/v: *Không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâu Văn Chứ và ông Hà Văn Dựa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thanh Hóa;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên;

Vào ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2026/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Sùng A L - Sinh năm: 1969

Số CCCD 014069010095 do Cục C về TTXH cấp ngày 10/8/2021.

Nơi đăng ký thường trú: Bản S, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/5/2026).

- *Bị đơn:* Bà Thào Thị V - Sinh năm: 1970

Số CCCD 014170006544 do Cục C về TTXH cấp ngày 07/12/2021.

Nơi đăng ký thường trú: Bản S, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/5/2026).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn ông Sùng A L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Thào Thị V chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1983 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và không có đăng kí kết hôn tại UBND xã. Sau khi cưới, ông và bà V về chung sống tại Bản S, xã T, huyện

M, tỉnh Thanh Hóa (nay là Bản S, xã T, tỉnh Thanh Hóa) đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm tới nhau. Nay ông L xét thấy tình cảm không còn nên ông đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Thào Thị V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng có 02 con chung tên là Sùng A N - Sinh ngày 02/4/1996 và Sùng A D – Sinh ngày 17/8/2006. Hiện các cháu đã đủ 18 tuổi, hoàn toàn khoẻ mạnh, có đủ khả năng nuôi sống bản thân nên ông L không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông L không đề nghị Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Thào Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Sùng A L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1983 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương nhưng không đi đăng kí kết hôn tại UBND xã. Sau khi kết hôn, ông và bà V về chung sống tại Bản S, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa (nay là Bản S, xã T, tỉnh Thanh Hóa) đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm tới nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hoá không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L..

Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng, bà và ông L có 02 con chung tên là Sùng A N - Sinh ngày 02/4/1996 và Sùng A D – Sinh ngày 17/8/2006. Hiện các cháu đã đủ 18 tuổi, hoàn toàn khoẻ mạnh, có đủ khả năng nuôi sống bản thân nên bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc ông L và bà V chung sống như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là trường hợp không được hoà giải theo quy định tại khoản 2 điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Bà L và ông V đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông V.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX

căn cứ vào: Khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 2 điều 206, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà V. Về con chung: Cháu Sùng A N - Sinh ngày 02/4/1996 và cháu Sùng A D – Sinh ngày 17/8/2006 đã đủ 18 tuổi, hoàn toàn khoẻ mạnh, có đủ khả năng nuôi sống, các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên miễn xét. Về tài sản và công nợ chung: Ông L và bà V không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Ông L thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Ông Sùng A L và bà Thào Thị V đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống nảy sinh nhiều bất đồng, không hoà hợp được. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Vì thế, từ năm 2020 hai ông bà đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của các đương sự, xác nhận của trưởng bản và UBND xã T. Cả ông L và bà V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Xét thấy, ông L và bà V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình và hướng dẫn tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/ NQ - QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà V.

[2] Về con chung: Ông L và bà V có 02 con chung tên là Sùng A N - Sinh ngày 02/4/1996 và Sùng A D – Sinh ngày 17/8/2006. Hiện các cháu đã đủ 18 tuổi, hoàn toàn khoẻ mạnh, có đủ khả năng nuôi sống bản thân nên ông bà không đề nghị Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Ông L và bà V không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Ông Sùng A L thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 2 điều 206, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

* Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Sùng A L và bà Thào Thị V.

* Án phí: Miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Sùng A L.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt ông L và bá V. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 13 - Thanh Hóa;
- VKSND T.Thanh Hóa;
- TAND T.Thanh Hóa;
- THADS T.Thanh Hóa;
- UBND X.Tam Chung, T.Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Lâu Văn Chứ	**Hà Văn Dựa**	**Phạm Văn Hùng**